

Bản án số: 80/2022/DS-ST
Ngày 30 – 5 – 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Hồng Dưỡng

Ông Nguyễn Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thu P, sinh năm 1968; cư trú tại: Ấp M, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thúy D, sinh năm 1992; cư trú tại: Ấp T1, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của bà Lê Thu Phương, thể hiện:*

Ngày 12/4/2012 âm lịch chị Phạm Thúy D thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 537768 diện tích 69 m² vay của bà P số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1.500.000 đồng/tháng, thời gian vay 01 năm, khi vay chị D có làm biên nhận. Từ khi vay đến nay, chị D không trả vốn, lãi nên bà P khởi kiện yêu cầu chị D trả số tiền 30.000.000 đồng; tiền lãi từ ngày 12/4/2012 âm lịch đến ngày 12/01/2022 âm lịch là 117 tháng với số tiền 175.500.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận 1.500.000 đồng/tháng từ ngày 12/01/2022 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà P thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị D trả số tiền vốn 30.000.000 đồng, tiền lãi suất theo pháp luật từ ngày 12/4/2012 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm và đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị D.

* *Đối với chị Phạm Thúy D:* Đã được tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng đối với yêu cầu khởi kiện của bà P nhưng chị D không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Phạm Thúy D đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị D là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật: Bà Lê Thu P khởi kiện yêu cầu chị D trả số tiền vốn, lãi đã vay vào ngày 12/4/2012 âm lịch, chị D không yêu cầu áp dụng thời hiệu theo điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong trường hợp này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu trả số tiền vốn của bà P, thấy rằng:

Theo giấy nhận tiền ngày 12/4/2012 âm lịch thể hiện chị D thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay của bà P số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 1.500.000 đồng/tháng, thời hạn 12 tháng. Mặc dù đã được tổng đạt họp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng chị D không có ý kiến gì về nội dung bà P khởi kiện, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, bà P khởi kiện yêu cầu chị D trả lại số tiền vốn 30.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu trả lãi của bà Phương:

Theo bà P, từ khi chị D vay tiền cho đến nay thì không trả khoản tiền lãi nào; chị D không có ý kiến gì về nội dung này. Tại phiên tòa, qua phân tích của Hội đồng xét xử, bà P xác định với mức lãi suất các bên thỏa thuận 1.500.000 đồng/tháng/30.000.000 đồng là cao hơn so với quy định của pháp luật nên thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất. Bà P yêu cầu chị D trả lãi suất theo mức 13,5%/năm và thời gian từ ngày 12/4/2012 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy, việc bà P thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo giấy nhận tiền ngày 12/4/2012 âm lịch (nhằm ngày 02/5/2012 dương lịch) thể hiện bà P cho chị D vay số tiền 30.000.000 đồng với mức lãi suất 1.500.000 đồng/tháng (tương đương 5%/tháng), chị D chưa thanh toán vốn và trả lãi cho bà P. Như vậy, hợp đồng vay tài sản giữa chị D và bà P được xác lập vào

thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực pháp luật, các bên chưa thực hiện và lãi suất các bên thỏa thuận (5%/tháng) không phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên các quy định về lãi, lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005 sẽ được áp dụng để xác định số tiền lãi mà chị D phải trả cho bà P. Cụ thể, lãi suất vay được xác định bằng 150% lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước, cụ thể bằng 13,5%/năm (1,13%/tháng).

Như vậy, thời gian từ ngày 12/4/2012 âm lịch (nhằm ngày 02/5/2012 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/5/2022) là 120 tháng 28 ngày nên số tiền lãi được xác định như sau: 30.000.000 đồng x 1,13%/tháng x 120 tháng 28 ngày = 40.996.400 đồng nên buộc chị D trả số tiền lãi này cho bà P là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[5] Từ sự phân tích như trên (mục [3] và mục [4]), Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của bà P là có căn cứ nên được chấp nhận. Do đó, buộc chị D trả cho bà P tổng số tiền là 70.996.400 đồng (vốn 30.000.000 đồng, lãi 40.996.400 đồng) là phù hợp.

[6] Tại phiên tòa, bà P đồng ý giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tự nguyện và không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị D phải chịu là 3.549.820 đồng (70.996.400 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 471, 474, 476 và 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thu P.

Buộc chị Phạm Thúy D trả cho bà P tổng số tiền 70.996.400 đồng (bảy mươi triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm đồng). Trong đó, tiền vốn là 30.000.000 đồng và tiền lãi là 40.996.400 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà P cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng chị D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Bà P có nghĩa vụ giao Giấy chứng nhận số BB 537768 do chị Phạm Thúy D đứng tên đã được UBND huyện Đàm Dơi cấp ngày 19/5/2010 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi để trả lại cho chị D.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị D phải chịu 3.549.820 đồng (ba triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm hai mươi đồng) (chưa nộp).

- Bà P không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà P số tiền 5.138.000 đồng (năm triệu một trăm ba mươi tám nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012080 ngày 28/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn